

BÀN THÊM VỀ DẤU TÍCH VĂN HÓA CHĂM TRONG KHÔNG GIAN VĂN HÓA THĂNG LONG

LÊ ĐÌNH PHỤNG

Do những nguyên nhân địa lý và lịch sử, giữa người Việt và người Chăm sớm hình thành những mối quan hệ về nhiều mặt. Quá trình giao lưu văn hóa Việt - Chăm diễn ra qua nhiều thế kỷ, không chỉ được phản ánh qua tư liệu chính sử mà còn để lại dấu tích qua các địa danh, các truyền thuyết, các di tích lịch sử văn hóa, đậm nhạt khác nhau ở từng địa phương.

Vào cuối thế kỷ X, khi người Việt giành được độc lập, định đô tại Hoa Lư, mối quan hệ Việt - Chăm được xác lập trên tầm mới: quan hệ của hai tộc người có quốc gia độc lập. Nếu trước kia, khi dân tộc Việt còn chìm trong đêm trường tăm tối ngàn năm Bắc thuộc, thì người Chăm đã giành được độc lập từ thế kỷ II (năm 192) và xây dựng nên một nền văn hóa dân tộc đặc sắc tỏa sáng trên vùng Đông Nam Á. Trong điều kiện độc lập, văn hóa Việt sau ngàn năm gìn giữ, đến đây có điều kiện phục hồi và tỏa sáng; mối quan hệ với văn hóa Chăm có tiền đề phát triển, diễn ra đa chiều, trên mọi lĩnh vực và văn hóa Chăm đã phần nào góp thêm những màu sắc làm phong phú văn hóa Việt trong lịch sử.

Năm Canh Tuất - 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, đánh dấu một thời kỳ mới, tạo tiền đề cho một thời kỳ phát triển rực rỡ của văn hóa Đại Việt, khẳng định bản lĩnh dân tộc. Vương triều Lý

tồn tại trên 200 năm (1009 - 1225) với nhiều thành tựu lớn về kinh tế - xã hội, đã đặt nền móng cho sự phát triển tinh hoa văn hóa, xây dựng nền văn hóa Thăng Long.

Thăng Long - Hà Nội là tiểu vùng văn hóa đặc biệt trong vùng văn hóa đồng bằng Bắc bộ. Nơi đây từng là Kinh đô của nước Đại Việt trong gần 9 thế kỷ, trong đó có 5 thế kỷ (thế kỷ XI - thế kỷ XVI), trên dải đất Việt Nam từng tồn tại hai nhà nước độc lập: nước Đại Việt và nước Chăm Pa, có nhiều mối quan hệ với nhau. Là Kinh đô của nước Đại Việt, Thăng Long là nơi tập trung tương đối đậm đặc các dấu tích của quan hệ giao lưu văn hóa Việt - Chăm. Vấn đề này mới được đề cập trong một số bài viết (xem Tài liệu tham khảo).

Bài viết này cung cấp thêm một số tư liệu cho vấn đề được nêu.

1. Những tư liệu lịch sử

Triều Lý lên ngôi, định đô ở Thăng Long mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ của hai vương triều Đại Việt và Chăm Pa (Chiêm Thành). Mối bang giao thân hữu ấy được sử cũ, trước hết là *Việt sử lược* ghi chép. Riêng thời Lý, triều đình Chăm Pa cử hơn 43 đoàn sứ bộ sang Đại Việt tiến cống sư tử, voi trắng, cá sấu cùng nhiều sản vật địa phương như tơ lụa, vàng bạc... Năm Tân Hợi - 1011, là năm đầu tiên, người Chăm tỏ

lòng hữu hảo bằng cách dâng sớ từ lên tiến cống. Năm Mậu Ngọ - 1198 là năm sớ bộ cuối cùng của Chiêm Thành sang cống nhà Lý và xin cầu phong. Những năm từ Tân Dậu - 1081 đến Kỷ Tỵ - 1089, mỗi năm sai sớ sang một lần.

Về quân sự, sớ cũ ghi lại, triều Lý đã sáu lần tiến quân xuống phương Nam (vào các năm Canh Thân - 1020, Giáp Thân - 1044, Kỷ Dậu - 1069, Ất Mão - 1075, Giáp Thân - 1104, Đinh Hợi - 1167). Ngược lại, Chiêm Thành cũng tám lần đem quân ra cướp phá biên giới nước Đại Việt (vào các năm Quý Mùi - 1043, Mậu Thân - 1068, Giáp Dần - 1074, Giáp Thân - 1104, Nhâm Tý - 1132, Bính Tuất - 1166, Đinh Dậu - 1177, Mậu Dần - 1218).

Hệ quả của các cuộc “Nam chinh” là nhiều phần đất của Chiêm Thành từng bước được sáp nhập vào Đại Việt. Song điều quan trọng hơn là đã tạo điều kiện thuận lợi nhiều chiều cho văn hóa Chăm Pa từng bước hội nhập vào văn hóa Việt, trong đó có không gian văn hóa Thăng Long.

Một trong những con đường để văn hóa Chăm “hội nhập” vào văn hóa Việt là những tù binh Chiêm Thành được nhà Lý (và cả các vua nhà Trần, nhà Lê sau này) đưa đến các vùng lầy trũng, đồi gò của nước Đại Việt để khai phá đất đai, lập các sở đồn điền, các làng. Nhiều sở đồn điền này về sau chuyển thành làng, theo mô hình tổ chức của làng Việt. Chẳng hạn, Quán La sở ở huyện Từ Liêm cũ (nay thuộc quận Tây Hồ), làng Yên Sở (Sở Thượng, Sở Hạ) ở huyện Thanh Trì, làng Yên Sở của huyện Hoài Đức; làng Trường Lâm vốn là sở Hoa Lâm, nay là làng Trường Lâm thuộc phường Việt Hưng, quận

Long Biên... Tài liệu địa chí ở một số làng khẳng định, nhiều làng được hình thành là nhờ công sức khai phá của tù binh Chiêm Thành. Chẳng hạn, “*Lưu sử điển yếu điều lệ*” - sách chữ Hán chép tay có nội dung như một cuốn địa chí về làng Tả Thanh Oai, tương truyền do Ngô Thị Nhậm soạn năm Cảnh Thịnh thứ hai (Giáp Dần, 1794), cho biết, làng Thượng Phúc ở bên cạnh được hình thành vào giữa thế kỷ XV, do một bộ phận tù binh Chiêm Thành bị đẩy ra đây khai khẩn vùng đất trũng. Rất nhiều làng có các địa danh liên quan đến “Chăm”, “Chàm”. Chẳng hạn, làng Khương Hạ (nay thuộc phường Khương Trung, quận Thanh Xuân) trước đây có một xóm mang tên *xóm Chàm*; nay là xóm Đức Long. Các nguồn tài liệu cho biết, đây là nơi tập trung tù binh Chiêm Thành từ thời Vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Lối vào xóm có cổng rộng, hai cột trụ xây khá vững, trước đây ở trên có biển đề bốn chữ “Xóm Đức Long Chàm” như là bằng chứng cho luận điểm này. Qua hơn năm thế kỷ, những tù binh Chiêm Thành đã hòa huyết, hòa nhập với cư dân sở tại thành một cộng đồng bình đẳng, đoàn kết, cùng xây dựng làng xóm ở dải đất phía Tây Nam Thăng Long (Bùi Xuân Đính, 2008).

Con đường thứ hai, cũng là sự hiện diện nổi bật nhất của văn hóa Chăm ở tiểu vùng văn hóa Thăng Long là sự “dịch chuyển” của các yếu tố văn hóa Chăm ra Đại Việt, ra Thăng Long, thông qua nhà nước và dân gian. Về phương diện nhà nước, sau nhiều cuộc đánh Chiêm Thành, các vua nhà Lý, Trần, Lê đều đưa về Đại Việt nhiều yếu tố văn hóa độc đáo của người Chăm và vương quốc Chiêm Thành. Một vài dẫn chứng dưới thời Lý được sớ cũ ghi lại:

- Lý Thái Tông khi vào Phật Thệ (ViJaya) bắt các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên đưa về Thăng Long, năm 1046 “dựng cung riêng cho các cung nữ Chiêm Thành”.

- Năm Ất Dậu, 1045, vua Lý chế xe Thái Bình lấy vàng trang sức “Bồng La nga”, tức cái bành voi của Chiêm Thành để kéo.

- Năm Canh Tý, 1060, “Tháng 8 phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành sai nhạc công ca hát”.

- Năm Quý Hợi, 1203, “Sai nhạc công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng trong trẻo ai oán buồn rầu...”.

Đặc biệt hơn, năm Kỷ Dậu, 1069, Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, trong số những tù binh bắt được đưa về Thăng Long có một nhà sư Trung Quốc. Là người hâm mộ đạo Phật, Lý Thánh Tông đã đưa vị sư này về chùa Khai Quốc, phong làm Quốc sư, khai sinh ra phái Thảo đường - một thiền phái của Phật giáo vương triều và tự mình trở thành thế hệ đầu của thiền phái này. Thiền phái Thảo đường duy trì được năm thế hệ, trong đó có ba vị vua tham gia (Lý Anh Tông thế hệ thứ ba; Lý Cao Tông thế hệ thứ năm) cùng nhiều vị quan lại đại thần trong triều như Tham chính Ngô Ích (thế hệ thứ hai); Thái phó Đỗ Anh Vũ (thế hệ thứ ba); Thái phó Đỗ Thường (thế hệ thứ tư) và Quán giáp Nguyễn Thúc (thế hệ thứ năm).

Từ nền tảng ban đầu mà nhà Lý gây dựng, các triều đại Trần - Lê tiếp nối, các cuộc hội nhập văn hóa Việt - Chăm diễn ra thường xuyên trong lịch sử, để đến cuối thế kỷ XV (năm Nhâm Thìn, 1472), phần đất người Chăm quản lý về cơ bản đã hội nhập vào lãnh thổ chung và văn hóa Chăm Pa trở

thành một bộ phận của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Hệ quả của việc giao lưu tộc người và văn hóa là văn hóa Việt tiếp nhận và chọn lọc, đưa những giá trị của văn hóa Chăm tham gia vào văn hóa Việt, mà trong đó Thăng Long là nơi hội tụ kết tinh.

2. Những bằng chứng lịch sử

Theo suốt dặm dài lịch sử, dấu ấn văn hóa Chăm Pa để lại cùng ảnh hưởng từ nền văn hóa này đã lan tỏa và để lại dấu ấn trong lòng văn hóa Đại Việt, văn hóa Thăng Long vô cùng đa dạng dưới nhiều loại hình và hình thức khác nhau, vật thể và phi vật thể.

Cuộc khai quật khảo cổ học tại di tích Hoàng thành xưa (18 Hoàng Diệu) trong những hiện vật tìm được có một viên gạch viết chữ Chăm cổ (tự dạng Skanrit). Bên cạnh đó là hàng loạt các hiện vật đồ gốm có men mang đặc trưng của gốm Chăm Pa tại Bình Định (ViJaya). Các di tích khác như tháp Báo Thiên xây thời Lý có dấu ấn của văn hóa Chăm qua các điêu khắc; chùa Bà Đanh “xây dựng từ đời Hồng Đức nhà Lê để cho dòng dõi Lâm Ấp ở (Tổng gọi là Chiêm Thành, tục ta gọi là Xiêm?). Đời hậu Lê đã phá bỏ” cho đến nay chỉ còn được ghi chép qua sử liệu.



Gạch chữ Chăm tại Thăng Long

Những vùng ngoại vi Thăng Long, đền Bà Tấm (thôn Dương Xá, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm) cho đến nay vẫn còn hai đầu tượng sư tử mang dấu ấn văn hóa Chăm.



Tượng sư tử Chăm Pa



Đầu sư tử đền Bà Tấm

Trong một số chùa ở Hà Nội, bên những tín ngưỡng Phật giáo của người Việt xuất hiện những tượng thờ mang yếu tố Chăm Pa. Trong Chùa Chài (làng Võng La, huyện Đông Anh), tượng Phật bà thể hiện như tượng thần Mẹ xứ sở trong văn hóa Chăm Pa, có những nét tương đồng về phong cách, hình thái thể hiện, hay tượng thần Shiva là vị thần Ấn Độ giáo cũng được gia nhập vào phật điện chùa Việt.



Tượng Mẹ PoNaga (Chăm Pa)



Tượng Phật chùa Chài (Đông Anh - Hà Nội)



Tượng Shiva - Bảo tàng Đà Nẵng



Tượng Shiva chùa Chài

Trong các làng ở vùng rìa của Thăng Long xưa, nay thuộc ngoại thành Hà Nội, có một làng còn đậm đặc các yếu tố của văn hóa Chăm. Đó là làng Cổ Sở (nay là các xã Yên Sở, Đắc Sở của huyện Hoài Đức). Người xưa, từng coi Cổ Sở là nơi “hiếm” đối với Thăng Long, được Trưng Bùng Phùng Khắc Khoan đúc kết “*Cổ Sở danh tam hiếm, Đoài phương tinh nhất khu*”¹. Với vị trí “hiếm” mà “tinh” ở phía Tây Thăng Long, từ thời Lý, Cổ Sở là nơi nhà nước phong kiến đưa các tù binh Chiêm Thành để lập cư. Qua thời gian, con cháu của những Chăm đã hòa huyết, hòa đồng với cư dân Việt sở tại, dựng xây và phát triển làng Giá, để lại nhiều dấu ấn của văn hóa Chăm Pa trên mảnh đất này, không khó nhận lầm qua một loạt các dấu tích. Trước hết là hệ thống 73 giếng cổ - được cố giáo sư Trần Quốc Vượng coi là dấu tích của giếng Chăm², có điểm nổi bật là tang giếng được xếp bằng các tảng đá hay viên đá lớn, tự nhiên, nhưng rất chắc chắn, tạo cho mực nước rất lớn (thường chỉ cách bờ giếng chừng 1 mét) và nước rất trong. Thứ hai là, những rặng dừa um tùm, phủ bóng khắp đường làng ngõ xóm, khiến du khách có cảm giác như đang đi trong một làng xóm của quê dừa Bình Định. Người Chăm xa xưa gồm hai thị tộc: thị tộc Cau và thị tộc Dừa, nên lấy hai cây này làm tô tem của thị tộc. Về nguồn gốc của cây dừa làng Cổ Sở, có ý kiến cho rằng, những người lính theo Lý Phục Man (người làng Giá) đánh giặc Chiêm Thành xâm phạm bờ cõi (thế kỷ VI), khi trở về đã đem những cây dừa ở các làng vùng Quảng Nam, Quảng

Ngãi, Bình Định ra trồng. Lại có ý kiến khác: những tù binh Chiêm Thành bị bắt ra Bắc đã mang theo giống dừa ở quê mình ra để trồng, như để không bao giờ quên tín ngưỡng tô tem *thị tộc Dừa* của họ (Bùi Xuân Đỉnh, 2008). Điều thứ ba, đặc biệt nhất là ở hai bên bờ tường của nghi môn Quán Giá có 49 bức phù điêu trang trí bằng đất nung (đoạn tường Đông có 23 bức, bị vỡ 1 bức; đoạn tường Tây có 26 bức, bị vỡ 2 bức). Theo Nguyễn Duy Hình, các mảng đất nung đều được sắp xếp theo chiều kim đồng hồ, để người xem đi theo chiều liên hoàn tức là đi vào khu điện thờ theo tay phải, là hướng của chạy đàn. Cấu trúc hai tam quan vây lấy điện thờ và trên tam quan trong cùng có tranh liên hoàn xếp theo hướng chạy đàn là hình ảnh của “stupa Ấn Độ” đã biến đổi, phần nào giống với cấu trúc Đông Dương của văn hóa Chăm Pa. Các họa tiết trên các bức mảng đất nung có nội dung Phật thoại, gồm các cảnh thuyết pháp lần thứ nhất ở Lộc Uyển (hình hươu, hình mặt trời, hay hoa văn tượng trưng cho Pháp luân), cảnh Phật tắm trước khi lên ngôi ở gốc cây bồ đề (hình ao sen có người tắm), cảnh voi điên ở RaJagrha do Devadata tổ chức để hãm hại Phật (hình con voi và hai người ngã vật với một mặt trời tượng trưng cho Pháp và một số cảnh voi khác)... Cách thể hiện các Phật thoại trên những mảnh đất nung thành tranh liên hoàn chỉ thấy có ở Miền Điện và trong văn hóa Chăm Pa, còn ở các nước khác thì chỉ được tạo trên đá hay gỗ. Hiện tượng Phật thoại thể hiện trên những mảnh đất nung thành tranh liên hoàn ở Quán Giá chứng tỏ người làng Giá đã sáng tạo ra nghệ thuật này từ lâu, trên cơ sở tiếp thu phong cách của Ấn Độ, Chăm Pa. Đây là dấu tích rõ nhất của văn hóa Chăm Pa tại Quán Giá (Nguyễn Duy Hình, 1980).

¹ Đất Cổ Sở là một trong ba nơi hiếm (thứ nhất Cổ Bi, thứ nhì Cổ Loa, thứ ba Cổ Sở), song lại là đất yên tinh ở phía Tây.

² Các giếng này cùng với ngôi đình không xà (đã bị thực dân Pháp đốt cháy tháng 3 năm 1947) được coi là hai nét độc đáo nhất của làng Giá trước đây “*Đình không xà, làng bảy mươi ba cái giếng*”.

Một làng khác, tuy không có nhiều dấu tích vật chất, song còn đậm những dấu tích về địa danh, dòng họ của văn hóa Chăm. Đó là làng Gạ (làng Phú Gia, nay thuộc phường Phú Thượng, quận Tây Hồ). Sử cũ cũng như tài liệu địa phương khẳng định, làng này còn có tên là “Bà Già” có từ thời Lý Thánh Tông, là nơi an trí của các tù binh Chiêm Thành. Tên “Bà Già” có gốc từ ngôn ngữ Chăm “Đa Đa li”. Ngoài các họ người Việt, làng này còn có hai họ gốc Chăm là Ông và Bó. Họ Ông có Ông Nghĩa Đạt đỗ Bảng nhãn khoa Ất Mùi niên hiệu Hồng Đức (năm 1475). Đầu thế kỷ XX, họ Ông đổi thành “Công”, họ Bó đổi thành họ “Hy”. Nay họ Công vẫn còn khá đông đúc ở làng. Sử cũ cũng từng ghi, vào thời Trần, tướng quân Trần Nhật Duật thường đến thôn Bà Già để giao du với người nước ngoài (Nguyễn Vinh Phúc, 1986).

Tại các công trình kiến trúc Phật giáo kề cận Thăng Long như chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh), ngoài yếu tố xây tháp trên núi cao theo truyền thống xây dựng tháp Chăm Pa - như thường thấy ở tỉnh Bình Định (thế kỷ XI - XIII), các điêu khắc trang trí tháp mang nhiều đề tài theo nghệ thuật điêu khắc Chăm Pa như Kirana, tượng đất nung Uyên ương.



ấn văn hóa Chăm Pa để lại khá phong phú trên các tác phẩm điêu khắc trang trí tháp, trong các pho tượng, các ông “phổng” ở cửa các đền chùa... Những tài liệu vật chất hiện thấy cho biết văn hóa Chăm Pa theo năm tháng có ảnh hưởng khá rộng đến cư dân văn hóa Việt, nhất là nơi có cộng đồng người Chăm cư trú đang dần hội nhập vào văn hóa Việt, trong đó trung tâm là Thăng Long.

Khi xem xét sự đan xen các yếu tố văn hóa Việt - Chăm này ở Bắc bộ nói chung, Thăng Long nói riêng, các nhà nghiên cứu đều cho rằng, các trí thức, nghệ nhân, nghệ sĩ, tôn giáo người Chăm đã mang đôi tay tài hoa và khối óc thâm đậm văn hóa Chăm Pa ngàn năm dần hội nhập vào văn hóa Việt. Nếp sống của người Chăm hòa vào văn hóa Việt theo thời gian. Văn hóa Chăm Pa không chỉ hòa trộn trong không gian văn hóa Thăng Long với số lượng người đông, mà còn được phân bố rộng khắp trên lãnh thổ Đại Việt, tạo điều kiện cho quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Chăm diễn ra mạnh mẽ, kéo dài qua nhiều thế kỷ Lý - Trần - Lê tạo nên sắc màu cuộc sống phong phú, đa dạng trong lòng văn hóa Việt truyền thống. Văn hóa Chăm trong không gian văn hóa Thăng Long là một trong những tâm điểm của quá trình hội nhập lâu dài đó.



Đầu tượng sư tử và tượng Kirana (chùa Phật Tích - Bắc Ninh)

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Diện (1999), “Về những pho tượng phỗng trong một số di tích”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1998*, tr. 555-556.
2. Nguyễn Thị Đơn (1999), “Chùa và đền Bà Tấm (Hà Nội)”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1998*, tr. 526-527.
3. Trần Anh Dũng, Trần Thị Trúc Đào (2007), “Uyên ương thời Lý ở chùa Bà Tấm, Phật Tích, Đạm”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 2006*, tr. 356-358.
4. Bùi Xuân Đỉnh (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Nguyễn Tiến Đông, Nguyễn Hữu Thiết (2005), “Hai bức tượng chằm tại chùa Bạch Sam (Hà Nội)”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 2004*, tr. 806-807.
6. Nguyễn Tiến Đông (2009), “Những yếu tố văn hóa Chăm Pa ở Thăng Long và vùng phụ cận”, trong: *Kỷ yếu Nhận diện giá*

trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004 - 2009), tr. 194-199.

7. Nguyễn Duy Hình (1981), “Trở lại Quán Yên Sở (Hà Nội)”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1980*, tr. 217-218.

8. Nguyễn Doãn Minh (2006), “Những pho tượng phỗng trong một số di tích ở Hà Nội”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 2005*, tr. 760-761.

9. Nguyễn Vinh Phúc (1987), “Tìm ra thôn Bà Già”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1986*, tr. 280-280.

10. Đinh Đức Tiến (2008), *Những dấu ấn văn hóa Chăm ở Hà Nội*, Luận văn Cao học, lưu tại Viện Nghiên cứu nghệ thuật.

11. Tạ Chí Đại Trùng (2006), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

12. UBND quận Thanh Xuân (2009), *Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống quận Thanh Xuân trong thời kỳ CNH - HĐH đất nước*, Kỷ yếu hội thảo.



Tam quan đình Phúc Hậu, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội

Ảnh: CTV